TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/DS-PT
Ngày 12-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Số nhà 155/8, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Số nhà 146/7, ấp L1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Thanh T, bị đơn.

(Ông L, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2019 của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N và những lời khai trình trước tòa, ông Lê Văn L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/11/2018, bà Lê Thị Kim N có cho bà Trần Thị Thanh T vay với số tiền là 100.000.000 đồng để mua bán thanh long, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, theo giấy mượn tiền ngày 15/11/2018. Khi vay tiền thì bà T có đưa cho bà N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 269489 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/10/2010 cho bà Trần Thị Thanh T đối với thửa 97, tờ bản đồ số 22, diện tích 957,2 m^2.

Đến ngày 16/01/2019 âm lịch, bà T tiếp tục vay của bà N số tiền 45.000.000 đồng để mua bán thanh long, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, theo giấy mượn tiền ngày 16/01/2019 âm lịch.

Đến hạn nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T hứa hẹn thanh toán nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã L hòa giải nhưng không thành.

Nay bà Lê Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T phải trả tiền nợ gốc vay còn thiếu là 145.000.000 đồng. Số tiền trên trả một lần trong thời gian ngắn, bà N không yêu cầu bà T phải trả lãi của thời gian qua. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đã thế chấp cho bà N thì bà N đồng ý giao trả lại cho bà T khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà không thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Bà có vay của bà N 02 lần tổng cộng tiền vốn là 145.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, sau đó giảm xuống còn 15%/tháng, không phải lãi suất 5% như đơn kiện bà N trình bày. Bà đã trả lãi rất nhiều nhưng việc trả lãi chỉ giao nhận giữa hai bên, không có chữ ký nhận tiền lãi của bà N, khi bà không có trả lãi hàng tháng bà có làm giấy hẹn thời gian trả lãi với bà N. Nay bà yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng, phần tiền lãi bà đã trả vượt hơn trừ vào phần nợ vốn, còn lại bao nhiêu bà xin trả dần vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn, bà phải lo nuôi con của bà ăn học. Riêng đối với giấy quyền sử dụng đất của bà, do bà N ép buộc bà phải đưa giấy quyền sử dụng đất cho bà N, nay bà yêu cầu bà N phải giao trả lại cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C căn cứ các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị Kim N đối với bà Trần Thị Thanh T.

Buộc bà Trần Thị Thanh T phải có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc vay cho bà Lê Thị Kim N số tiền 145.000.000 đồng.

2. Bà Lê Thị Kim N phải giao trả lại cho bà Trần Thị Thanh T 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 269489 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/10/2010 cho bà Trần Thị Thanh T đối với thửa 97, tờ bản đồ số 22 (bản chính).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 15/11/2019, bà Trần Thị Thanh T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử tính lại số tiền lãi theo lãi suất ngân hàng để khấu trừ vào số tiền bà đã trả lãi cho bà N, nếu số tiền bà trả lãi còn thừa thì trừ vào nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N không rút đơn khởi kiện; bà T xác định lại yêu cầu kháng cáo xin cho trả dần mỗi tháng 03 triệu đồng và xin giảm số tiền phải trả 145 triệu đồng; ông L đồng ý cho bà T trả 145 triệu đồng trong thời hạn 03 tháng nhưng không đồng ý giảm số tiền phải trả 145 triệu đồng; ngoài ra, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Bà T xác định lại yêu cầu kháng cáo là xin cho trả dần mỗi tháng 03 triệu đồng và xin giảm số tiền phải trả 145 triệu đồng. Ông L đồng ý cho bà T trả 145 triệu đồng trong thời hạn 03 tháng nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này của ông L. Việc bà T xin giảm số tiền phải trả 145 triệu đồng nhưng không được ông L đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà T. Với các lý do trên, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà T xác định lại yêu cầu kháng cáo là yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 03 triệu đồng và xin trả ít hơn số tiền phải trả 145 triệu đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà T thấy rằng:

[3] Về yêu cầu xin trả dần, ông L đồng ý cho bà T trả số nợ trong thời hạn 03 tháng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông L.

[4] Về yêu cầu xin trả ít hơn số tiền phải trả 145 triệu đồng, ông L không đồng ý và pháp luật cũng không quy định người vay có quyền được trả ít hơn số nợ nên không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[5] Với các lý do trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C.

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Thị Kim N đối với bà Trần Thị Thanh T.

Buộc bà Trần Thị Thanh T trong thời hạn từ ngày 12 tháng 5 đến ngày 12 tháng 8 năm 2020 phải trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Lê Thị Kim N phải trả cho bà Trần Thị Thanh T 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 269489 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/10/2010 cho bà Trần Thị Thanh T đối với thửa 97, tờ bản đồ số 22.

3. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm:

Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000098 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên bà T còn phải nộp 6.950.000đ (Sáu triệu chín trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà N đã nộp là 4.173.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000053 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc